

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày: 15/8/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Kinh** và Bà **Trịnh Thị Thu Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 03/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 26/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐDS-ST ngày 17/7/2024, giữa:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (P).** Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận D, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị T.H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ, theo văn bản ủy quyền số 62/2023/UQ-CTHDQT ngày 02/08/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lý Viết T, ông Khuất Quang T1, bà Phạm Tuyết M, bà Đặng Thị H.T2, bà Nguyễn Thị M.A theo văn bản ủy quyền số 2092/UQ-RCC-TCNMKHCN ngày 13/8/2024. Địa chỉ liên hệ: Tầng 7, tòa nhà V, số 78 phố D, phường D, quận C, Hà Nội.

(Ông Lý Viết T, bà Phạm Tuyết M, bà Đặng Thị H.T2, bà Nguyễn Thị M.A có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 49 ngõ 203 N, quận P, quận K, thành phố Hà Nội.

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ông Nguyễn Văn H vay của P – V R theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 324-P-7100089 mở vay ngày 30/9/2022: Thời hạn vay tín dụng là 60 tháng, ngày giải ngân vốn vay 30/9/2022; Mục đích sử dụng

vốn dùng tiêu dùng cá nhân. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, số tiền nợ gốc chưa trả là 44.532.314 đồng, số tiền lãi còn nợ là 31.645.113 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LD2234200880 mở vay ngày 08/12/2022: Số tiền vay: 71,000,000 đồng; Thời hạn vay tín dụng là 36 tháng, ngày giải ngân vốn vay 08/12/2022; Lãi suất là 32%/năm; Mục đích sử dụng vốn là vay tiêu dùng cá nhân. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, số tiền nợ gốc chưa trả là 71,000,000 đồng, số tiền lãi còn nợ là 41.680.999 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LD2208500618 mở vay ngày 26/3/2022: Số tiền vay là 200,000,000 đồng; Thời hạn vay tín dụng: 36 tháng, ngày giải ngân vốn vay 26/03/2022; Lãi suất là 20%/năm; Mục đích sử dụng vốn là vay tiêu dùng cá nhân. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, số tiền nợ gốc chưa trả là 159.211.159 đồng, số tiền lãi còn nợ là 64.837.672 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, khách hàng H có trả được cho P một phần tiền của khoản vay 200 triệu đồng, còn lại không thanh toán khoản nợ. Ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với P, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Các khoản tiền bị trừ vào số tiền vay như ông H trình bày là tiền bảo hiểm rủi ro, khi ký kết khoản vay thì có cán bộ bán hàng tư vấn về bảo hiểm cho khách hàng. Khi khách hàng đồng ý thì ngân hàng trừ tiền bảo hiểm vào số tiền giải ngân cho khoản bảo hiểm rủi ro. Khoản tiền bảo hiểm rủi ro cụ thể như thế nào người đại diện theo uỷ quyền không nắm được. Việc bảo hiểm rủi ro là do Công ty bảo hiểm O hợp tác với P thực hiện với ông H.

Đến nay khoản nợ của ông Nguyễn Văn H đã chuyển sang khoản nợ xấu nên ngân hàng không chấp nhận phương án hoà giải của khách hàng mà ông H phải trả toàn bộ khoản nợ.

P chưa nhận được số tiền nào về bảo hiểm rủi ro đối với khoản vay của ông H từ Công ty bảo hiểm O vì bảo hiểm chỉ hỗ trợ cho khách hàng trong trường hợp bệnh tật nặng, chết.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho P toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 28/5/2024 tổng số tiền là 330,312,223 đồng, trong đó nợ gốc là 230,211,159 đồng; nợ lãi và phạt chậm trả là 100,101,064 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn H tiếp tục cho tính lãi, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Văn H thực tế thanh toán hết nợ cho P.

- Yêu cầu tòa án tuyên trong bản án: P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Nguyễn Văn H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P.

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – ông Nguyễn Văn H có ý kiến tại bản tự khai ngày 20/6/2024 và ý kiến tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án như sau:***

Ông H xác nhận có ký kết 04 hợp đồng tín dụng giữa hai bên trong đó 01 hợp đồng thế tín dụng, còn 03 hợp đồng khác là khoản vay không tài sản bảo đảm. Cụ thể như sau:

Vào tháng 3 năm 2022, ông H có vay tín dụng của ngân hàng P khoản vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) có hợp đồng đầy đủ, hai bên ký trực tiếp, sau khi ông H ký xong hợp đồng ngân hàng P đã giải ngân cho ông H 193.000.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu đồng), trừ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền bảo hiểm rủi ro. Ông H đã trả nợ cả gốc lẫn lãi 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Ngân hàng lại gọi điện cho ông H bảo cho ông H được vay thêm 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và đã giải ngân cho ông H trừ tiền bảo hiểm, ông H còn cầm về hơn 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng), khoản vay này ông H đã trả luôn cả gốc lẫn lãi sau đây 01 tháng.

Ngân hàng lại gọi điện cho ông H bảo ông H có đủ điều kiện để vay khoản vay 71.000.000 đồng nhưng hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản, sau đó bảo ông H là đóng tiền bảo hiểm rủi ro, ông H đồng ý, cán bộ ngân hàng bảo có ghi âm và trừ tiền bảo hiểm rủi ro đi, ông H còn cầm về hơn 67.500.000 đồng.

Sau đây bên ngân hàng bảo ông H đủ điều kiện làm thẻ tín dụng hơn 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng). Hai bên ký trực tiếp, ông H không được nhận thẻ tín dụng vật chất mà trên App của P trên điện thoại của ông tải xuống thể hiện ông H có thẻ tín dụng được sử dụng từ 30/9/2022. Ông H đã sử dụng chi tiêu từ thẻ tín dụng này từ khoảng mừng 3 hoặc mừng 4 tháng 10/2022. Theo thỏa thuận với ngân hàng thì mừng 10 hàng tháng ông H phải trả khoản tiền đã chi tiêu. Ông H nhớ tháng 11/2022 không sử dụng thẻ tín dụng của P nữa vì không có tiền nộp trả. Bị đơn đã sử dụng thẻ tín dụng chi tiêu hết hạn mức là 44.000.000 đồng.

Đến nay, ông H không nhớ mật khẩu của App P nên không có tài liệu về việc P thông báo về khoản nợ của ông H.

Tình hình sức khỏe ông H đã không làm việc được nữa và không có thu nhập để chi trả những khoản vay của ngân hàng.

Bị đơn xác nhận ngày 10/10/2022 là ngày cuối cùng thực hiện việc trả nợ khoản vay, nay bị đơn còn nợ ngân hàng P những khoản như sau:

- Khoản vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) ông H đã đóng cả lãi lẫn gốc còn 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Ông đã trả được 32 triệu vào tiền nợ gốc, còn nợ lãi thì ông không biết đã trả được bao nhiêu vì sau khi nhận được 193 triệu thì sau đó ông đã trả mỗi tháng là 7.500.000 đồng theo thỏa thuận là vào ngày mừng 10 hàng tháng nộp vào tài khoản trả nợ của ông H tại P.

- Khoản vay 71.000.000 đồng ông H chưa trả được đồng nào.

- Khoản vay 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) tiền thẻ tín dụng cũng chưa trả.

Khi vay của P ông H được cán bộ tín dụng thông báo nếu ông H không đồng ý bảo hiểm rủi ro thì ông H không được giải ngân khoản vay, tuy nhiên ông không ký hợp đồng bảo hiểm rủi ro nào và không biết nội dung bảo hiểm rủi ro cũng như chưa được nhận và không biết các nội dung trong đó.

Quan điểm của ông H về việc ngân hàng khởi kiện: rất mong bên ngân hàng tạo điều kiện cho ông H trả dần số tiền gốc, miễn toàn bộ số tiền lãi, nguyên nhân việc chậm trả do tình hình sức khỏe ông bị bệnh về mắt (Glacom), bị thôi việc lái xe đến nay chưa xin được việc làm.

***Tại phiên tòa:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ các khoản vay tín dụng của P, số liệu các khoản nợ chưa trả tính đến hết ngày 15/8/2024 đề nghị HĐXX giải quyết cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 274.743.473 đồng;

+ Nợ lãi: 179.990.640 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 454.734.113 đồng.

+ Về số tiền ông H đã trả cho ngân hàng cho đến ngày 15/8/2024 là 40.788.841 đồng nợ gốc, 25.550.168 đồng nợ lãi.

Cụ thể số liệu nợ của từng hợp đồng như sau:

1.Hợp đồng tín dụng số 324-P-7100089 mở vay ngày 30/9/2022:

+ Nợ gốc: 44.532.314 đồng;

+ Nợ lãi: 35.587.321 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 80.119.635 đồng.

2.Hợp đồng tín dụng số LD2234200880 mở vay ngày 08/12/2022: Số tiền vay: 71.000.000 đồng;

+ Nợ gốc: 71.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 58.678.290 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 129.678.290 đồng.

3.Hợp đồng tín dụng số LD2208500618 mở vay ngày 26/3/2022: Số tiền vay là 200.000.000 đồng;

+ Nợ gốc: 159.211.119 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 40.268.662 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 45.456.367 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 244.936.148 đồng.

* Đại diện theo uỷ quyền của P trình bày tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên trong bản án P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Nguyễn Văn H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P. Yêu cầu này của P sẽ thực hiện theo thủ tục thi hành án khi khách hàng không thực hiện quyết định của Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:

[1.1]. Tranh chấp giao dịch dân sự tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn

cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại số 49 ngõ 203 N, quận P, quận K, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 35 khoản 1 điểm a; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, không thực hiện thủ tục phản tố.

[2.2]. Ngày 17/7/2024, nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, Ngày 15/8/2024, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1.1]. Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức “Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/3/2022” có nội dung *số tiền đề nghị vay vốn 200.000.000 đồng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, số tiền vay 192.200.000 đồng, mua bảo hiểm dư nợ tín dụng 7.800.000 đồng*. Người có thẩm quyền của P đã phê duyệt tại văn bản kèm theo Giấy đăng ký của ông Nguyễn Văn H có nội dung: *xác nhận tín dụng số LD2208500618 mở vay ngày 26/3/2022: Số tiền vay là 200.000.000 đồng; Thời hạn vay tín dụng 36 tháng, ngày giải ngân vốn vay 26/03/2022, ngày kết thúc thời hạn vay 10/3/2025; Mục đích sử dụng vốn là vay tiêu dùng cá nhân, Lãi suất là 20%/năm cố định đến 01/7/2022 sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay+ biên độ 12%/năm, xác định bằng biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay không có TSBĐ...được niêm yết tại website...có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ trả nợ gốc 36 kỳ định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 10. Kỳ trả nợ lãi 36 kỳ định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 10. Số tiền khách hàng thanh toán chi tiết được P thông báo vào tin nhắn đến số điện thoại của khách hàng*.

Sau đó, P đã giải ngân số tiền vay cho ông H, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã xác nhận đã nhận được 193.000.000 đồng.

[3.1.1.1]. Như vậy, giao dịch tín dụng có hình thức bằng văn bản (BL 05 – 09), các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.1.1.2]. Quá trình thực hiện giao dịch dân sự, theo tài liệu P giao nộp, bị đơn đã trả được 40.788.841 đồng nợ gốc, 25.550.168 đồng nợ lãi. Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 454.734.113 đồng.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thỏa thuận tại mục “Trả nợ gốc, lãi” tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử

[3.1.1.2]. Với phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ với số liệu tại phiên tòa có cơ sở, được chấp nhận.

[3.1.2]. Xét giao dịch dân sự khoản vay gốc 71.000.000 đồng: P trình bày giữa P và ông Nguyễn Văn H có Hợp đồng tín dụng số LD2234200880 mở vay

ngày 08/12/2022 theo hình thức phương tiện điện tử với căn cứ pháp lý là Luật tổ chức tín dụng 2010, Thông tư số 35 của Ngân hàng Nhà nước: Số tiền vay: 71.000.000 đồng; Thời hạn vay tín dụng là 36 tháng, ngày giải ngân vốn vay 08/12/2022; Lãi suất là 32%/năm; Mục đích sử dụng vốn là vay tiêu dùng cá nhân. *Tạm tính đến ngày 26/6/2024, số tiền nợ gốc chưa trả là 71.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ là 58.678.290 đồng*

[3.1.2.1]. Để chứng minh có giao dịch dân sự này, P đã giao nộp “Bảng kê tính lãi của Nguyễn Văn H tính hết ngày 26/6/2024”, tài liệu xác nhận sự chấp nhận của bị đơn tại app Internet banking của khách hàng. Quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn xác nhận có khoản vay 70.000.000 đồng chưa trả được cả gốc và lãi.

[3.1.2.2]. Như vậy, giao dịch tín dụng có hình thức theo phương thức ngân hàng điện tử đã thực hiện đúng quy định về thủ tục vay, các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[3.1.3]. Xét giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức “Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/9/2022”, theo P trình bày đây là Hợp đồng tín dụng số 324-P-7100089 mở vay ngày 30/9/2022 cung cấp thẻ tín dụng cho ông H có hạn mức 52.000.000 đồng, hạn mức được P quyết định theo từng thời kỳ;

[3.1.3.1]. Để chứng minh có giao dịch dân sự này, P đã giao nộp “Bảng tổng hợp dư nợ tính đến ngày 26/6/2024” và “Bảng kê tính lãi của Nguyễn Văn H tính hết ngày 26/6/2024” và Quyết định về lãi suất thẻ tín dụng.

Theo tài liệu giao nộp thì nợ phát sinh trong kỳ đầu tiên của khách hàng là 87.890.000 đồng với thời gian ngày bắt đầu kỳ sao kê là 25/9/2022, ngày sao kê 25/10/2022, ngày phải trả 09/11/2022. Bị đơn đã trả được 04 kỳ với số tiền mỗi kỳ 44.000.000 đồng, bắt đầu từ kỳ thứ năm ngày 26/01/2023 đến 26/02/2023, bị đơn không thanh toán khoản nợ.

Theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng và tài liệu tính toán giao nộp thì: *Tạm tính đến ngày 26/6/2024, số tiền nợ gốc chưa trả là 44.532.314 đồng, số tiền lãi còn nợ là 35.587.321 đồng.*

Bị đơn xác nhận có khoản vay 44.000.000 đồng chưa trả và xác nhận chi tiêu hết hạn mức 44.000.000 đồng.

[3.1.3.2]. Như vậy, giao dịch tín dụng Thẻ tín dụng đã thực hiện đúng quy định về thủ tục vay, các chủ thể ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. P đã áp dụng tính tiền lãi của khách hàng căn cứ trên các văn bản quy định lãi suất được công bố công khai từng thời kỳ.

[3.2]. Với nhận định đã được phân tích trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả khoản nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 3 Điều 40, Điều 117, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 320, Điều 429, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn H:

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2024 với tổng số tiền **454.734.113 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm mười ba đồng).**

Số liệu nợ của các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1.1 Theo “Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/3/2022”, văn bản “Điều khoản giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán có hiệu lực từ ngày 05/3/2021”, Hợp đồng tín dụng số LD2208500618 mở vay ngày 26/3/2022:

+ Nợ gốc: 159.211.119 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 40.268.662 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 45.456.367 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 244.936.188 đồng.

1.1.2. Theo Hợp đồng tín dụng số LD2234200880 mở vay ngày 08/12/2022 văn bản “Điều khoản giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán có hiệu lực từ ngày 05/3/2021”:

+ Nợ gốc: 71.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 58.678.290 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 129.678.290 đồng.

1.1.3. Theo “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/9/2022”, Hợp đồng tín dụng số 324-P-7100089 mở vay ngày 30/9/2022, văn bản “Điều khoản giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán có hiệu lực từ ngày 05/3/2021”:

+ Nợ gốc: 44.532.314 đồng;

+ Nợ lãi: 35.587.321 đồng

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đến 15/8/2024 là 80.119.635 đồng.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, tiếp tục trả lãi, phạt cho đến ngày ông Nguyễn Văn H thanh toán được toàn bộ khoản vay theo “Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo

đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/3/2022”, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/9/2022, văn bản “Điều khoản giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán có hiệu lực từ ngày 05/3/2021”, Hợp đồng tín dụng số LD2208500618 mở vay ngày 26/3/2022, Hợp đồng tín dụng số LD2234200880 mở vay ngày 08/12/2022, Hợp đồng tín dụng số 324-P-7100089 mở vay ngày 30/9/2022;

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP V được trả lại **8.700.000 đồng** (Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số 0006360 ngày 26/3/2024.

2.2. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **22.189.365 đồng** (Hai mươi hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V, ông Nguyễn Văn H. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ